

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP.HCM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 983/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Ông Võ Thái Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 829/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 697/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1990; số CCCD: 079190017204;

Địa chỉ: C B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm: 1991; số CMND: 024869109;

Địa chỉ thường trú: E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Z, Phân trại 1, Đội 27; Địa chỉ: xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân H chung sống từ năm 2010, do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/5/2011. Từ khi chung sống cho đến nay, nhiều lần ông H bị Tòa án xử phạt tù, bà cũng cố gắng khuyên nhủ nhưng ông H không có sự thay đổi, dẫn đến một mình bà phải tự lo trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con ăn học trong khi bản thân bị khiếm thị. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Bà chung sống với ông H có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày 01/02/2011, hiện con đang ở với bà. Vì vậy, khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân Huy H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Trong quá trình chung sống, bà và ông H không tạo ra tài sản chung, bà và ông H tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11/12/2025 – bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu T bắt đầu chung sống từ năm 2010 do tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung, có một con chung tên Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày 01/12/2011, hiện nay cháu H1 đang ở với bà T. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, không có.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Xuân H, vì vậy đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Xuân H đăng ký thương trú tại E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 086 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/5/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Theo trình bày của bà T và ông H thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, từ lâu mỗi người sống một nơi. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H và ông H cũng đồng ý ly hôn với bà T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của bà T và ông H thì mục đích hôn nhân giữa bà T và ông H đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn đối với ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà T và ông H xác nhận có một con chung tên Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày 01/12/2011, hiện cháu H1 đang ở với bà T. Bà T và ông H đều thống nhất giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/12/2025, cháu Nguyễn Xuân Huy H1 có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Xuân Huy H1 cho bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Về cấp dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng và ông H xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng, do đó, Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H.

[8] Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà T và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2005/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án);

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Xuân H chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 086 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/5/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Xuân H cùng xác nhận có một con chung tên Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày 01/12/2011. Hiện cháu Nguyễn Xuân Huy H1 đang ở với bà Nguyễn Thị Thu T.

Giao con chung tên Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày 01/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Xuân H.

Ông Nguyễn Xuân H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Xuân H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0035857 ngày 06/11/2025 Thi hành án Dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND phường Chánh Hưng, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm

